

Những nhân tố tác động tới nghèo đói của các hộ ngư dân ven biển thuộc nghề cá quy mô nhỏ- Trường hợp của xã Thạnh Phong, tỉnh Bến Tre

PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh, Lê Trần Hồng Thái

Đại học Nha Trang

Xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre là một trong những xã nghèo ven biển phía nam Việt Nam. Theo chuẩn nghèo của Việt Nam giai đoạn 2006– 2010, Thạnh Phong có tỉ lệ hộ nghèo tương đối cao (16,07% năm 2007, 13,25% năm 2008). Trong những năm qua, xã đã tiến hành nhiều chương trình giảm nghèo và giải quyết việc làm, nhưng chưa đạt hiệu quả. Bằng phương pháp điều tra trực tiếp và phỏng vấn sâu giữa tác giả với các hộ ngư dân tại xã Thạnh Phong và mô hình hồi qui đa biến để phân tích những nhân tố tác động tới tình hình nghèo đói của các hộ ngư dân khu vực này. Kết quả nghiên cứu cho thấy những nhân tố tác động tới đói nghèo ở xã Thạnh Phong, bao gồm: nhận thức của bà con ngư dân về nguồn lợi thủy sản ven bờ, khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng, quy mô hộ gia đình (số người sống trong một hộ), loại nhà (tình trạng nhà ở của hộ gia đình) và loại ngư cụ đánh bắt; trong đó quan trọng nhất là ngư cụ đánh bắt – tác động đến nhân tố này sẽ cho kết quả giảm nghèo mạnh nhất. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài báo đã đề xuất một số giải pháp giảm nghèo cho địa phương.

1. Phần mở đầu

Tính cấp thiết

Nằm trong tỉnh Bến Tre, xã Thạnh Phong– xã cuối nguồn của huyện Thạnh Phú, là một xã nghèo ven biển (phía Đông giáp biển Đông với chiều dài bờ biển khoảng 17 km, phía Tây giáp xã Giao Thạnh, phía Bắc giáp xã Thạnh Hải, phía Nam giáp sông Cổ Chiên), có địa hình đồng bằng, với diện tích tự nhiên 6.411 ha. Xã có 5 ấp với 2.369 hộ dân, số dân trong xã là 9.594 khẩu, nữ chiếm 51%, dân tộc Kinh chiếm 100%. Các chương trình giảm nghèo trong thời gian qua chủ yếu là giúp đỡ tài chính cho các hộ nghèo trong xã trên cơ sở thống kê các hộ nghèo của ấp dựa theo chuẩn nghèo quy định của Nhà nước.

Trước thực tế đó, cần có sự thống nhất về phương pháp tiếp cận đánh giá nghèo, xác định đúng nhân tố tác động đến nghèo, từ đó đưa ra các biện pháp hữu hiệu để công tác giảm nghèo đạt kết quả cao hơn và bền vững hơn trong thời gian tới. Nghiên cứu này nhằm giúp địa phương có một luận cứ khoa học để có giải pháp phù hợp trong chương trình giảm nghèo, nâng cao mức sống cho cộng đồng các hộ ngư dân ven biển thuộc nghề cá qui mô nhỏ.

Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về đo lường nghèo đói.
- Xác định các yếu tố tác động đến sự nghèo đói của các hộ ngư dân tại xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.
- Gợi ý chính sách và đề xuất một số giải pháp góp phần xóa đói giảm nghèo cho xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các hộ ngư dân khai thác thủy sản ven bờ.

Tác giả tập trung nghiên cứu tại xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre trong năm 2008.

Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện, các phương pháp chính đã được áp dụng như: phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích hồi qui đa biến.

2. Những yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đói và mô hình nghiên cứu

2.1 Các phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đói

Hầu hết các nước phát triển sử dụng thu nhập (income) để xác định nghèo đói, trong khi các nước đang phát triển chỉ dùng chi tiêu (expenditure). Đối với các nước phát triển, thu nhập phần lớn là từ tiền lương nên dễ xác định, trong khi chi tiêu dùng thì phức tạp và khó xác định. Ngược lại, ở các nước đang phát triển thu nhập khó tính toán hết bởi phần lớn thu nhập đến từ công việc tự làm nhưng rất khó tách biệt, trong khi chi tiêu thì dễ thấy hơn, rõ ràng hơn.

Theo Glewwe và Twum-Baah, chi tiêu không những ít bị khai thác hơn thu nhập mà nó còn ổn định hơn từ năm này qua năm khác. Do đó, có đủ căn cứ lý thuyết để dùng các thước đo chi tiêu nhằm phản ánh mức sống. Theo Alderman và Paxson, ở các nước kém phát triển, thu nhập của hộ thường biến động theo mùa vụ trong khi chi tiêu dùng tương đối ổn định giữa các tháng trong năm. Vì thế, chi tiêu tiêu dùng phản ánh mức sống của hộ tốt hơn con số thu nhập. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng chi tiêu để xác định ngưỡng nghèo.

Theo Ngân hàng Thế giới, ngưỡng nghèo đói ở mức thấp gọi là ngưỡng nghèo đói lương thực-thực phẩm. Ngưỡng nghèo đói ở mức cao hơn gọi là ngưỡng nghèo đói chung (bao gồm cả mặt hàng lương thực-thực phẩm và phi lương thực-thực phẩm). Ngưỡng nghèo đói lương thực-thực phẩm đo lường mức chi tiêu cần thiết để đảm bảo một hộ gia đình có thể đủ mua được một lượng lương thực-thực phẩm để cung cấp cho mỗi thành viên trong hộ một lượng calo là 2.100 calo 1 ngày. Nhưng phương pháp này có hạn chế là nó không tính đến các khoản chi tiêu cho việc tiêu dùng các hàng hóa phi lương thực-thực phẩm, mặc dù các hàng hóa này cũng cần thiết cho các nhu cầu cơ bản của con người. Ngưỡng nghèo chung đo lường chi phí để mua đủ một lượng hàng hóa lương thực-thực phẩm cung cấp lượng calo là 2.100 calo và một số mặt hàng phi lương thực-thực phẩm. Trở ngại ở đây là việc xác định một cách phù hợp lượng hàng hóa phi lương thực-thực phẩm.

Ở Việt Nam, Bộ LĐTBXH dựa trên điều tra gồm những câu hỏi về tài sản và về thu nhập từ các nguồn khác nhau. Thu nhập từ tất cả các nguồn này được cộng lại, chia cho số người trong hộ, và so sánh với một trong hai chuẩn nghèo tùy theo xã đó thuộc vùng nào. Từ năm 2006 đến 2010, chuẩn nghèo ở thành thị 260.000 VNĐ/tháng/người; nông thôn là 200.000 VNĐ. Tỷ lệ nghèo có thể được tính bằng tỷ lệ dân số sống dưới chuẩn nghèo trong xã, huyện, hoặc tỉnh. (Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg, chuẩn nghèo áp dụng ở Việt Nam cho giai đoạn 2006-2010).

Theo lý thuyết ở trên, ngưỡng nghèo của báo cáo nghiên cứu này đã được xác định là 300.000 đồng, tức hộ nào có chi tiêu bình quân đầu người dưới 300.000 đồng/người/tháng hay 3.600.000 đồng/người/năm là thuộc dạng hộ nghèo.

Theo số liệu thu thập được, tại xã Thạnh Phong có 8 hộ ngư dân có mức chi tiêu bình quân đầu người dưới 3.600.000 đồng/người/năm, chiếm tỷ lệ 14,28%. Với tỷ lệ hộ ngư dân nghèo chiếm 14,28% trên tổng số hộ ngư dân, rất gần với tỷ lệ hộ nghèo tại địa bàn xã Thạnh Phong do chính quyền địa phương công bố vào đầu năm 2009 là 13,25%.

2.2 Những yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đói

Theo Ngân hàng Thế giới, các nhân tố có thể ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đói được tóm tắt ở bảng 1.

Bảng 1 cho thấy rằng, các nhân tố gây ra tình trạng nghèo đói thuộc về những nhân tố của nhóm đặc tính cấp độ vùng, cấp độ cộng đồng, cấp độ gia đình và những đặc điểm cá nhân.

2.3. Mô hình nghiên cứu đề nghị

3. Thiết kế nghiên cứu

3.1. Nguồn số liệu

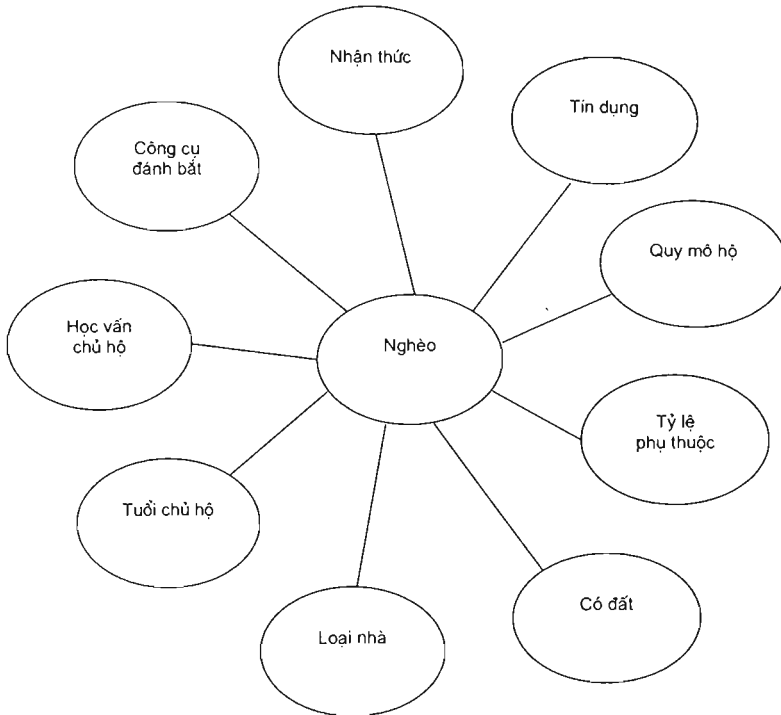
- Số liệu thứ cấp: thu thập số liệu từ các báo cáo về công tác xóa đói giảm nghèo tại xã Thạnh

Bảng 1. Các nhân tố gây ra tình trạng nghèo đói

Phân theo đặc tính	Các nhân tố
Cấp độ vùng (Regional-level characteristics)	- Sự cách biệt về địa lý/xã hội do thiếu hạ tầng cơ sở; hạn chế trong việc tiếp cận các loại thị trường và các dịch vụ xã hội. - Nguồn lực cơ bản như đất đai và chất lượng đất đai. - Điều kiện tự nhiên (thời tiết...).
Cấp độ cộng đồng (Community)	- Quản lý Nhà nước. - Hạ tầng cơ sở (điện, nước, đường giao thông...) - Phân bổ đất đai. - Khả năng tiếp cận các hàng hóa và dịch vụ công (y tế, giáo dục...).
Cấp độ hộ gia đình (Household characteristics)	- Quy mô hộ. - Tỷ lệ phụ thuộc (phần trăm số người trưởng thành không có hoạt động tạo thu nhập). - Giới tính của chủ hộ. - Tài sản của hộ gia đình: đất đai, phương tiện sản xuất, nhà cửa...
Đặc điểm cá nhân (Individual characteristics)	- Tuổi. - Giáo dục (số năm đi học, bằng cấp cao nhất). - Việc làm (tình trạng việc làm, loại công việc). - Dân tộc (có hay không có thuộc nhóm dân tộc thiểu số).

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2005, Báo cáo chiến lược giảm nghèo.

Mô hình nghiên cứu đề nghị



Phong, số liệu về tỉ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Bến Tre; số liệu từ các báo cáo, đề tài, luận văn đã nghiên cứu trước về nghèo đói của Việt Nam; số liệu từ các niên giám thống kê hàng năm của Tổng cục Thống kê và Cục thống kê tỉnh Bến Tre.

- Số liệu sơ cấp: thiết kế bảng câu hỏi dưới dạng câu hỏi đóng và sử dụng bảng câu hỏi này phỏng vấn trực tiếp các hộ ngư dân xã Thạnh Phong.

3.2. Xác định kích thước mẫu

Tại thời điểm tiến hành điều tra số liệu (01/2009) toàn xã Thạnh Phong có tất cả là 56 hộ ngư dân khai thác thủy sản ven bờ. Do đó tác giả đã phỏng vấn trực tiếp tất cả các hộ để tiến hành thu thập số liệu và đây có thể coi là điều tra tổng thể. Vậy mẫu nghiên cứu trong báo cáo nghiên cứu này chính là tổng thể.

3.3. Phương pháp xử lý số liệu

- Dữ liệu thu thập được từ phiếu điều tra sẽ được nhập và xử lý số liệu thô với phần mềm Microsoft Excel 2003.

- Kế đến, dùng phần mềm SPSS 17.0.2 để mã hóa số liệu đã được xử lý từ Microsoft Excel 2003. Và tiến hành kiểm định mô hình (đa cộng tuyến, phương sai thay đổi, tự tương quan) bằng phần mềm Eviews 6 và SPSS 17.0.2.

- Tiến hành chạy mô hình với SPSS 17.0.2.

3.4. Mô hình kinh tế lượng

Mô hình hồi quy đa biến xác định những nhân tố tác động đến chi tiêu bình quân đầu người:

$$LH(C) = \beta_0 + \beta_1 NHAN_THUC + \beta_2 TIN_DUNG + \beta_3 QUY_MO_HO + \beta_4 TY_LE_PHU_THUOC + \beta_5 CO_DAT + \beta_6 LOAI_NHA + \beta_7 TUOI_CUA_CHU_HO + \beta_8 HOC_VAN_CHU_HO + \beta_9 CONG_CU_DANH_BAT + \epsilon$$

Trong đó:

C là chi tiêu bình quân đầu người hàng năm; β_0, β_1 là hệ số hồi quy của mô hình.

X_i là các biến độc lập (các nhân tố có ảnh hưởng đến chi tiêu bình quân bao gồm: nhận thức của bà con ngư dân về nguồn lợi thủy sản ven bờ, khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng, quy mô hộ gia đình, tỷ lệ phụ thuộc, có sở hữu đất, loại nhà, tuổi của chủ hộ, học vấn chủ hộ và công cụ đánh bắt)

(ở đây chúng ta chỉ sử dụng hàm bậc 1 cho tất cả các biến độc lập).

4. Phân tích các nhân tố tác động đến chi tiêu bình quân đầu người bằng mô hình kinh tế lượng

Với 9 biến độc lập trong mô hình trên, sau khi tiến hành hồi qui và loại dần các biến không có ý nghĩa thống kê, có được phương trình hồi qui như sau:

$$\ln(CT_BQUAN) = 6,807 + 1,036*NHAN_THUC + 0,746*TIN_DUNG - 0,677*QUYMO_HO + 0,810*LOAI_NHA - 2,211*CONG_CU$$

Các biến trong mô hình có thể giải thích được 67,8% (R^2 điều chỉnh = 0,678) sự biến đổi của chi tiêu bình quân đầu người (CT_BQUAN) trong các hộ ngư dân ở Thanh Phong.

Đấu của các hệ số ước lượng phù hợp với dấu kỳ vọng của mô hình. Các hệ số hồi qui có ý nghĩa thống kê cao, ba biến ở mức ý nghĩa 1% là quy mô hộ, loại nhà, công cụ đánh bắt; biến nhận thức ở mức ý nghĩa 5%; biến tín dụng ở mức ý nghĩa 10%. Và đây là các biến có tác động thật sự đến chi tiêu bình quân đầu người của hộ ngư dân tại Thanh Phong.

Theo kết quả của phương trình hồi qui, với điều kiện các nhân tố khác không thay đổi, nếu hộ nhận thức được tình trạng đang cạn kiệt dần của nguồn lợi thủy sản thì chi tiêu bình quân đầu người của hộ có cơ hội tăng thêm 1,036 triệu đồng so với hộ không nhận thức được, với sai số chuẩn 0,515.

Nhân tố thứ hai có tác động đến chi tiêu bình quân là tín dụng, với điều kiện các nhân tố khác không thay đổi, nếu hộ được tiếp cận với nguồn tín dụng chính thức thì chi tiêu bình quân đầu người của hộ này có cơ hội tăng thêm 0,746 triệu đồng so với hộ không được tiếp cận với nguồn tín dụng chính thức, với sai số chuẩn 0,430.

Nhân tố thứ ba có tác động đến chi tiêu bình quân là quy mô hộ. Với điều kiện các nhân tố khác không thay đổi, nếu quy mô hộ tăng lên một người thì chi tiêu bình quân đầu người của hộ giảm đi 0,677 triệu đồng, với sai số chuẩn 0,192.

Nhân tố thứ tư có ảnh hưởng đến chi tiêu bình quân đầu người, đó là loại nhà. Với điều kiện các nhân tố khác không thay đổi, nếu loại nhà của hộ tăng lên một cấp thì chi tiêu bình quân đầu người của hộ có khả năng tăng lên 0,810 triệu đồng, với sai số chuẩn 0,187. Ví dụ, khi hộ chuyển từ loại nhà cây nền đất sang loại nhà cây lót gạch thì chi tiêu bình quân của hộ có khả năng tăng thêm 0,810 triệu đồng.

Nhân tố cuối cùng có ảnh hưởng đến chi tiêu bình quân đầu người và cũng là nhân tố quan trọng nhất (vì có β_1 lớn hơn β_2 của các nhân tố còn lại), đó là công cụ đánh bắt. Với điều kiện các nhân tố khác không thay đổi, khi hộ khai thác thủy sản bằng đáy bè thì chi tiêu bình quân đầu người của hộ có nguy cơ giảm đi 2,211 triệu đồng so với những hộ khai thác thủy sản bằng đáy sông cầu, bẫy rập hoặc lưới rê, với sai số chuẩn 0,484.

5. Các giải pháp và khuyến nghị

Xã Thanh Phong trong những năm qua luôn coi xóa đói giảm nghèo là một trong những vấn đề ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của xã. Nỗ lực đẩy mạnh quá trình giảm nghèo có một ý nghĩa quan trọng đối với xã Thanh Phong. Sự cố gắng của lãnh đạo và nhân dân xã Thanh Phong trong cuộc chiến chống đói nghèo đã đạt được những kết quả bước đầu. Tuy nhiên, do chưa có một nghiên cứu khoa học nào nhằm đánh giá đúng trạng nghèo đói cũng như các nhân tố tác động đến nghèo đói của các hộ ngư dân ven biển trên địa bàn, cho nên chưa có thể đưa ra những giải pháp về xóa đói giảm nghèo và nâng cao mức sống của các hộ ngư dân một cách có hiệu quả.

Qua việc phân tích một cách khoa học bằng mô hình kinh tế lượng về các nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu bình quân đầu người của các hộ gia đình ngư dân ở xã Thanh Phong, bài báo này đã giải quyết được những đòi hỏi cấp bách nói trên của xã Thanh Phong. Đặc biệt, nghiên cứu đã lượng hóa được năm nhân tố tác động đến chi tiêu bình quân đầu người của các hộ ngư dân trong xã Thanh Phong, đó là: nhận thức của bà con ngư dân về nguồn lợi thủy sản ven bờ, tín dụng, quy mô hộ, loại nhà và công cụ đánh bắt. Từ việc phát hiện được các nhân tố thật sự có ảnh hưởng đến chi tiêu bình quân của hộ ngư dân, trên cơ sở này tác giả đề xuất các giải pháp giảm nghèo cho địa phương.

5.1 Giải pháp về tín dụng

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính thức là một yếu tố quan trọng giúp các hộ nghèo tăng khả năng thoát nghèo. Thực tế, tại Thanh Phong đã có nhiều hộ ngư dân được tiếp cận với nguồn vốn chính thức từ các ngân hàng Chính sách Xã hội hoặc ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, số tiền mà họ được vay tín chấp từ ngân hàng Chính sách Xã hội thì quá thấp so với nhu cầu (tối đa 7 triệu đồng). Nguyên vọng của các hộ ngư dân nghèo là được vay tín chấp với số tiền lớn đủ để cải tạo ngư lưới cụ, có thể các hộ này không cần được ưu tiên lãi suất thấp mà chỉ cần được vay nhiều tiền hơn bằng hình thức tín chấp vì đa số họ không có tài sản có giá trị cao để thế chấp.

Ngoài ra, cần phổ biến kiến thức và quy trình vay vốn đến các hộ ngư dân để họ mạnh dạn vay

vốn nếu có đủ điều kiện và nhu cầu là việc làm hết sức cần thiết. Đặc biệt là những hộ ngư dân nghèo do thiếu hiểu biết hay mặc cảm nên thường ngại đến ngân hàng vay vốn.

5.2 Giải pháp về phát triển nhà

Ngày 12 tháng 12 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 167/2008/QĐ-TTg về việc hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở. Ngày 21 tháng 4 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre đã phê duyệt Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn nông thôn tỉnh Bến Tre, trong đó riêng Thạnh Phong được hỗ trợ 177 căn hộ. Và ngày 12/08/2009, tỉnh Bến Tre đã chính thức triển khai đề án này.

Mặc dù chương trình này trong năm 2009 ưu tiên hỗ trợ cho những hộ nghèo có công với cách mạng. Nhưng giả sử không có chương trình này thì chính quyền địa phương vẫn phải ưu tiên hỗ trợ cho những đối tượng này. Vì vậy, khi được đề án này hỗ trợ thì chính quyền địa phương sẽ mở rộng diện hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở.

Vấn đề còn lại là chính quyền địa phương cần triển khai nhanh đề án này khi đã được Chính phủ phê duyệt và cung cấp kinh phí về địa phương. Tạo điều kiện cho những hộ nghèo trong đó có những hộ ngư dân nghèo tại Thạnh Phong có được mái nhà khang trang nhằm giúp họ gia tăng cơ hội thoát nghèo.

Mỗi căn hộ được hỗ trợ có diện tích tối thiểu là 32m², chất lượng nhà ở phải đảm bảo xây dựng mới, tuổi thọ công trình trên 10 năm. Hỗ trợ kinh phí xây dựng một căn nhà là 15 triệu đồng (trong đó: kinh phí trung ương 6.600.000 đồng/căn, quỹ “Vì người nghèo” cấp tỉnh 8.400.000 đồng/căn). Ngoài ra, được ngân hàng Chính sách xã hội cho vay với lãi suất ưu đãi 3% /năm, thời gian vay 10 năm, mức vay tối đa 8.000.000 đồng/hộ.

5.3 Giải pháp về quy mô hộ

Giảm quy mô hộ gia đình thông qua các chương trình kế hoạch hóa gia đình, khuyến khích phụ nữ tham gia nhiều hơn vào việc làm ngoài nội trợ và hạn chế tình trạng bất bình đẳng nam nữ trong công việc.

Có thể thấy qua phân tích ở Thạnh Phong, việc hộ có thêm một nhân khẩu sẽ làm cho xác suất nghèo của hộ tăng lên. Các hộ nghèo luôn có số nhân khẩu cao hơn bởi vì hộ nghèo sinh đẻ không có kế hoạch do thiếu hiểu biết, quan niệm không đúng về việc sinh đẻ, muốn sinh con để có thêm lao động hoặc chạy theo sở thích con trai mà đẻ quá dày, quá nhiều. Hậu quả của vấn đề này là các dịch vụ công như y tế, giáo dục không đủ cung cấp sẽ làm thui chột những khả năng phát triển con người chưa kể còn gây những tác động đến an ninh xã hội.

Cho nên các biện pháp để giảm mức sinh cần phải thực hiện song song với các chương trình xóa đói giảm nghèo.

Ngoài ra, cần tạo điều kiện cho trẻ em gái được đi học nhiều hơn, giúp các em trang bị để chuẩn bị một cuộc sống độc lập có nghề nghiệp sau này. Khi lập gia đình, không nên ép buộc người nữ bỏ việc, mà nên tạo điều kiện để họ có thể tham gia nhiều hơn vào công việc ngoài nội trợ, vì như thế không những tạo thêm nguồn thu cho gia đình, mà còn làm cho họ tăng hiểu biết, hòa nhập với thế giới bên ngoài. Các nghiên cứu cho thấy một phụ nữ có việc làm với mức lương cao sẽ kết hôn muộn hơn và thường cân nhắc nhiều hơn khi muốn sinh con. Điều này có thể gián tiếp làm giảm mức sinh.

5.4 Giải pháp về bảo vệ nguồn lợi thủy sản- áp dụng đồng quản lý

Khảo sát thực tế tại địa phương cho chúng ta thấy rằng, nhận thức của bà con ngư dân về vấn đề bảo vệ nguồn lợi thủy sản còn khá mơ hồ. Kết quả hồi qui đã chỉ ra, nếu hộ nào nhận thức được việc phải bảo vệ nguồn lợi thủy sản thì hộ đó có chỉ tiêu bình quân đầu người cao hơn những hộ chưa nhận thức được. Trong khi đó, cuộc sống của bà con ngư dân gắn liền với nguồn lợi thủy sản. Vì vậy, bảo vệ và khai thác thủy sản hợp lý mang một ý nghĩa sống còn đối với bà con ngư dân. Ngay từ bây giờ, chính quyền địa phương cùng bà con ngư dân ở Thạnh Phong cần cùng nhau bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản thông qua phương pháp đồng quản lý nghề cá.

Ngư trường ven bờ, sân chèo, các dòng sông đi qua địa phận xã Thạnh Phong là tài sản quốc gia, nếu được Nhà nước giao quyền sử dụng cho cộng đồng ngư dân trong xã thì đây là tài sản chung của cộng đồng, trong đó mọi thành viên có quyền khai thác, bảo vệ và sử dụng hợp lý trên cơ sở hệ thống luật pháp của Nhà nước. Đồng quản lý sẽ mang lại cơ hội để sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tốt hơn.

Phương pháp đồng quản lý đã được bắt đầu xây dựng thí điểm tại Thạnh Phong vào năm 2008 bởi Ban quản lý chương trình hỗ trợ ngành thủy sản giai đoạn II (FSPS II) dưới sự tài trợ của Tổ chức Hỗ trợ Phát triển Quốc tế Đan Mạch (Danida).

Lợi ích của đồng quản lý:

- Đồng quản lý không phải là một giải pháp tuyệt đối hoàn hảo mà cần tiếp tục hoàn chỉnh trong quá trình thực hiện, nhưng dù sao đây cũng là bước tiếp theo của những bước đi đầu tiên của nhân dân xã Thạnh Phong trong việc hình thành 2 hợp tác xã Đoàn Kết, Thạnh Lộc và Hải đội đánh cá.

- Đồng quản lý sẽ mang lại những lợi ích rõ ràng trong việc quản lý nguồn lợi thủy sản. Ngư dân được tham gia và thực hiện qui chế quản lý, họ sẽ nâng cao trách nhiệm đối với việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản vì dù sao họ cũng có phần làm chủ tài nguyên mà chính quyền đã giao cho cộng đồng quản lý. Với hình thức này chúng ta có quyền hy vọng trong tương lai nguồn lợi thủy sản sẽ được bảo vệ tốt hơn, đời sống ngư dân sẽ từng bước được cải thiện tốt hơn. Tình trạng vô chủ và cách tiếp cận tự do trong quản lý nguồn lợi thủy sản sẽ dần bị xóa bỏ.

- Đồng quản lý không chỉ dừng lại ở việc quản lý bền vững nguồn lợi thủy sản mà nó thông qua sự đồng thuận trong cộng đồng để có thể cùng nhau khắc phục thiên tai, tiếp cận công nghệ mới, nâng cao hiệu quả sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và nhiều vấn đề khác có thể được giải quyết thông qua cộng đồng.

Một số điều kiện đảm bảo sự thành công của mô hình đồng quản lý tại xã Thạnh Phong, bao gồm:

- Xác định ranh giới quản lý rõ ràng thông qua việc giao quyền quản lý hợp pháp của chính quyền đối với ngư trường tuyến bờ.

- Xác định số hộ ngư dân tham gia cộng đồng khai thác thủy sản tuyến bờ.

- Có sự hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các cộng đồng, thí dụ: cộng đồng đánh cá hỗ trợ cộng đồng quản lý nghề trong việc bảo vệ bãi chèo chống lại sự xâm phạm của các đối tượng khác; đồng thời cộng đồng quản lý sản nghề có thể thu nhận lao động đánh cá nhân rỗi trong mùa thu hoạch nghề...

- Nghiêm chỉnh thực hiện qui chế đã thống nhất. Qui chế phải đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống kiểm soát phải nhận được sự đồng tình ủng hộ của ngư dân.

- Ban quản lý cộng đồng cần ưu tiên cho các đại biểu của ngư dân tham gia nhưng không thể tách rời khỏi sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền.

- Tài chính của cộng đồng phải rõ ràng, minh bạch để xã viên dễ dàng kiểm tra, giám sát.

5.5 Giải pháp về tạo thu nhập thay thế các thay đổi sinh kế

Xuất phát từ kết quả nghiên cứu, loại ngư cụ hủy diệt là nguyên nhân của đói nghèo. Vì vậy, muốn thoát nghèo thì ngư dân không thể tiếp tục sử dụng ngư cụ hủy diệt để khai thác thủy sản. Muốn vậy, đầu tiên các hộ ngư dân phải chuyển đổi ngư cụ. Chính quyền địa phương cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để các hộ ngư dân có điều kiện vay vốn với lãi suất thấp nhằm chuyển đổi ngư lưới cụ từ đáy bè, cào sang đáy sông cầu, bẫy rập hoặc lưới rê. Bên cạnh đó, cần tận dụng thật tốt các cơ hội từ những dự án trong và ngoài nước hỗ trợ ngư dân chuyển đổi ngư cụ.

Chính quyền địa phương có thể phối hợp với Trường Trung cấp nghề Bến Tre- trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để thường xuyên mở các lớp dạy nghề như: may công nghiệp, chế biến thủy sản, thợ hàn, thợ tiện, thợ máy, điện công nghiệp, điện tử... miễn phí tại xã Thạnh Phong (kính phí đào tạo lấy từ quỹ xóa đói giảm nghèo của xã) nhằm tạo điều kiện cho các lao động trên địa bàn có cơ hội thoát ly khỏi địa phương đi làm việc tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh hay các cơ sở sản xuất đóng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc (10/2004), *Phân tích hiện trạng nghèo đói ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Báo cáo tổng kết Dự án Phân tích Hiện trạng Nghèo đói ở Đồng bằng sông Cửu Long.
2. Nguyễn Sinh Công (2004), *Các nhân tố tác động đến thu nhập và nghèo đói tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Trọng Hoài (2005), *Nghiên cứu ứng dụng các mô hình kinh tế lượng trong phân tích các nhân tố tác động nghèo đói và đề xuất giải pháp xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh Đông Nam Bộ*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
4. Ngân hàng Thế giới (2000), *Báo cáo phát triển của Việt Nam năm 2000: Tấn công nghèo đói*, Báo cáo chung của nhóm công tác các chuyên gia Chính phủ- Nhà tài trợ- Tổ chức phi Chính phủ.
5. Ngân hàng Thế giới (2-3/12/2003), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2004: Nghèo*, Báo cáo chung của các nhà tài trợ tại Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam.
6. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre (2009), *Báo cáo tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện – thị tỉnh Bến Tre từ năm 2006 đến năm 2009*.
7. Đào Công Thiên (2008), *Nghiên cứu các yếu tố tác động đến sự nghèo đói của các hộ ngư dân ven đầm Nha Phu, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường đại học Nha Trang.
8. Trương Thanh Vũ (2007), *Các nhân tố tác động đến nghèo đói ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2003– 2004*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
9. World Bank (August 2005), *Poverty analysis, Poverty Manual, All, JH Revision of August 8, 2005*.